

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
BINH DINH MINERALS  
JOINT STOCK COMPANY

Số: 24 /CBTT-BMC  
No.: 24 /CBTT-BMC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Gia Lai, ngày 30 tháng 7 năm 2026  
Gia Lai, June 30, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**  
**The first half of 2026**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission of Vietnam.

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**/Organization name: **BINH DINH MINERALS JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/ Stock code: **BMC**

- Địa chỉ: **11 Hà Huy Tập, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.**/Address: **11 Ha Huy Tap, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province, Vietnam.**

- Điện thoại liên hệ/Contact phone number: **0256.2240.025**

Fax: Không có/ None

- E-mail: **bimico@bimico.vn**

2. Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:

Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026./ Binh Dinh Mineral Joint Stock Company reports on corporate governance for the first half of 2026.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2026, tại đường dẫn : <http://bimico.vn/>

**Tài liệu đính kèm/ Attached document.**

Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026/Report on corporate governance

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ ORGANIZATION  
REPRESENTATIVE  
NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN/  
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE  
INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)/ (Signature, full name, position, company seal)



**Trần Hồ Toại Nguyễn**  
**Tran Ho Toai Nguyen**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
BÌNH ĐỊNH**

**BINH DINH MINERALS JOINT  
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

Số: *11*./BC-HĐQT-BMC  
No: *11*./BC-HĐQT-BMC

*Quy Nhơn, ngày 30 tháng 07 năm 2026*  
*Quy Nhơn, July 30 2026*

## **BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**(Rút gọn)**

### **REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(Shorten)**

**6 tháng đầu năm 2026**

**The first half of 2026**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;  
- Hochiminh Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định/Binh Dinh Minerals Joint Stock Company.
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Số 11 đường Hà Huy Tập, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam/ No. 11 Ha Huy Tap Street, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province, Vietnam.
- Điện thoại/Telephone: 0256 2240 025 Fax: 056-3822497 Email: bimicovn@dng.vnn.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: 123.926.300.000 đồng/123,926,300,000 VND
- Mã chứng khoán/Stock symbol: BMC.
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/The implementation of internal audit: Đã thực hiện/Implemented.

#### **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Vào ngày 30/06/2026, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, nhưng không đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo pháp luật. Sau đó HĐQT có Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT-BMC ngày 03/07/2026 V/v tổ chức ĐHCĐ thường niên 2026 lần thứ hai vào ngày 31/7/2026.

On June 30, 2026, the Company convened the 2026 Annual General Meeting of Shareholders (AGM). However, the meeting did not satisfy the quorum requirements prescribed by law and therefore could not proceed. Subsequently, the Board of Directors issued Resolution No. 08/NQ-HĐQT-BMC dated July 3, 2026 regarding the convening of the second 2026 Annual General Meeting of Shareholders, which was scheduled to be held on July 31, 2026.

## II. Hội đồng quản trị năm/Board of Directors:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors:

| Stt/<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Directors'<br>members       | Chức vụ/Position<br>(thành viên HĐQT<br>độc lập, TVHĐQT<br>không điều hành)<br>Independent<br>members of the<br>Board of Directors,<br>Non-executive<br>members of the<br>Board of Directors) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>HĐQT/ HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the<br>member of the Board of Directors |                                      |
|-------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                                                          |                                                                                                                                                                                               | Ngày bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                                                                                               | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1           | Ông Lê Trung Hậu<br>Mr. Le Trung Hau                     | Chủ tịch<br>Chairman                                                                                                                                                                          | 30/07/2022                                                                                                                            |                                      |
| 2           | Ông Trần Cảnh Thịnh<br>Mr. Tran Canh Thinh               | Thành viên HĐQT<br>Board of Director'<br>member                                                                                                                                               | 30/07/2022                                                                                                                            |                                      |
| 3           | Ông Huỳnh Ngọc Bích<br>Mr. Huynh Ngoc Bich               | Thành viên HĐQT<br>Board of Director'<br>member                                                                                                                                               | 30/07/2022                                                                                                                            |                                      |
| 4           | Ông Trần Hồ Toại<br>Nguyễn<br>Mr. Tran Ho Toai<br>Nguyen | Thành viên HĐQT<br>Board of Director'<br>member                                                                                                                                               | 30/07/2022                                                                                                                            |                                      |

| Stt/<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Directors'<br>members | Chức vụ/Position<br>(thành viên HĐQT<br>độc lập, TVHĐQT<br>không điều hành)<br>Independent<br>members of the<br>Board of Directors,<br>Non-executive<br>members of the<br>Board of Directors) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>HĐQT/ HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the<br>member of the Board of Directors |                                      |
|-------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                                                    |                                                                                                                                                                                               | Ngày bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                                                                                               | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 5           | Bà Võ Thị Bích Hiền<br>Ms. Vo Thi Bich Hien        | Thành viên HĐQT<br>Board of Director'<br>member                                                                                                                                               | 07/11/2025                                                                                                                            |                                      |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board<br>of Director' member      | Số buổi họp<br>HĐQT tham<br>dự/Number of<br>meetings attended<br>by Board of<br>Directors | Tỷ lệ tham dự<br>họp/<br>Attendance<br>rate | Lý do không tham<br>dự họp/Reasons for<br>absence |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1          | Ông Lê Trung Hậu<br>Mr. Le Trung Hau               | 7/7                                                                                       | 100%                                        |                                                   |
| 2          | Ông Trần Cảnh Thịnh<br>Mr. Tran Canh Thinh         | 7/7                                                                                       | 100%                                        |                                                   |
| 3          | Ông Huỳnh Ngọc Bích<br>Mr. Huynh Ngoc Bich         | 7/7                                                                                       | 100%                                        |                                                   |
| 4          | Ông Trần Hồ Toại Nguyên<br>Mr. Tran Ho Toai Nguyen | 7/7                                                                                       | 100%                                        |                                                   |
| 5          | Bà Võ Thị Bích Hiền<br>Ms. Vo Thi Bich Hien        | 7/7                                                                                       | 100%                                        |                                                   |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp, đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với Ban Tổng giám đốc điều hành của Công ty chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra./ In the first half of 2026, the Board of Directors held 07 meetings, proposing various policies and solutions to promote business production activities, along with the Executive Board of the Company directing the implementation of the resolutions and targets set by the General Meeting of Shareholders.

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc giám sát việc triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư XDCB của Tổng Giám đốc, thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp./ The Board of Directors fully exercised its authority in supervising the implementation and organization of the resolutions of the Board, assessing the level of completion of the production and business tasks and the investment in construction of the General Director, regularly checking the situation, urging the Company to implement the resolutions of the Board of Directors, and coordinating with the Executive Board to timely take appropriate measures to adjust business activities, rectify, supplement, and improve management aspects in corporate governance.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): Công ty không thành lập các tiểu ban/ The company does not establish subcommittees.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ<br>thông qua<br>Approval<br>rate |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 01         | 01/NQ-HĐQT-BMC                                             | 16/01/2026   | -Thống nhất báo cáo của Ban quản lý điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.<br>-Thống nhất triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sắp tới, cụ thể:<br>-Thống nhất chủ trương xin khai thác thu hồi khoáng sản titan thuộc phạm vi các Dự án đầu tư trên địa bàn xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai.<br>-Thống nhất tiếp tục mua nguyên liệu để | 100%                                   |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ<br>thông qua<br>Approval<br>rate |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|            |                                                            |              | <p>duy trì hoạt động cho Nhà máy xỉ.</p> <p>- Thống nhất không giao chỉ tiêu lợi nhuận Quý I năm 2026.</p> <p>- Approved the report of the Company's Management Board on the business and production performance in 2025.</p> <p>- Approved the implementation of several key tasks in the coming period, specifically:</p> <p>- Approved the policy to apply for the right to exploit and recover titanium minerals within the investment project areas located in Cat Tien Commune, Gia Lai Province.</p> <p>- Approved the continued procurement of raw materials to maintain the operation of the Slag Plant.</p> <p>- Approved the decision not to assign a profit target for the first quarter of 2026.</p> |                                        |
| 02         | 03/NQ-HĐQT-BMC                                             | 11/3/2026    | <p>Thống nhất gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.</p> <p>Resolution approving the extension of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100%                                   |
| 03         | 04/NQ-HĐQT-BMC                                             | 24/4/2026    | <p>Thống nhất việc chốt danh sách cổ đông để triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026</p> <p>Resolution approving the record date for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100%                                   |
| 04         | 05/NQ-HĐQT-BMC                                             | 04/6/2026    | Thống nhất Chương trình, nội dung họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100%                                   |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tỷ lệ<br>thông qua<br>Approval<br>rate |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|            |                                                            |              | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><br>Resolution approving the agenda and meeting materials for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                        |
| 05         | 06/NQ-HĐQT-BMC                                             | 04/6/2026    | Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.<br><br>Resolution approving the convening of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 100%                                   |
| 06         | 08/NQ-HĐQT-BMC                                             | 03/7//2026   | Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, lần thứ hai.<br><br>Resolution approving the convening of the second 2026 Annual General Meeting of Shareholders.                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100%                                   |
| 07         | 09/NQ-HĐQT-BMC                                             | 03/7/2026    | Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 và cả năm 2026 của Công ty.<br><br>Resolution approving the appointment of AASCS Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Company Limited as the independent auditor to audit the Company's six-month financial statements for 2026 and annual financial statements for 2026. | 100%                                   |

### III. Ban kiểm soát/Board of Supervisors:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Information about members of Board of Supervisors:

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br>Members of<br>Board of<br>Supervisors | Chức vụ<br>Position                                        | Ngày bắt đầu/không còn<br>là thành viên BKS<br>The date<br>becoming/ceasing to be<br>the member of the Board<br>of Supervisors | Trình độ chuyên<br>môn<br>Qualification             |
|------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Hồ<br>Tường Vy<br>Ms. Nguyen Ho<br>Tuong Vy   | Trưởng BKS<br>Head of the<br>Board of<br>Supervisors       | 30/07/2022                                                                                                                     | Cử nhân Kế toán<br>Bachelor of<br>Accounting        |
| 2          | Bà Nguyễn Thị<br>Hải Vi<br>Ms. Nguyen Thi<br>Hai Vi     | Thành viên BKS<br>Member of the<br>Board of<br>Supervisors | 30/07/2022                                                                                                                     | Cử nhân Kế toán<br>Bachelor of<br>Accounting        |
| 3          | Bà Nguyễn Thị<br>Qui<br>Ms. Nguyen Thi<br>Qui           | Thành viên BKS<br>Member of the<br>Board of<br>Supervisors | 07/11/2025                                                                                                                     | Thạc sĩ Kế toán<br>Master's degree in<br>Accounting |

2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors:

| Stt<br>No. | Thành viên<br>BKS<br>Members of<br>Board of<br>Supervisors | Số buổi họp<br>tham dự<br>Number of<br>meetings<br>attended | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br>Attendance<br>rate | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br>Voting rate | Lý do không tham<br>dự họp<br>Reasons for<br>absence |
|------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Hồ<br>Tường Vy<br>Ms. Nguyen Ho<br>Tuong Vy      | 2                                                           | 100%                                       | 100%                               |                                                      |
| 2          | Bà Nguyễn Thị<br>Hải Vi<br>Ms. Nguyen Thi<br>Hai Vi        | 2                                                           | 100%                                       | 100%                               |                                                      |

| Stt<br>No. | Thành viên<br>BKS<br>Members of<br>Board of<br>Supervisors | Số buổi họp<br>tham dự<br>Number of<br>meetings<br>attended | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br>Attendance<br>rate | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br>Voting rate | Lý do không tham<br>dự họp<br>Reasons for<br>absence |
|------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 3          | Bà Nguyễn Thị<br>Qui<br>Ms. Nguyen Thi<br>Qui              | 2                                                           | 100%                                       | 100%                               |                                                      |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:

Trong 6 tháng năm 2025 Ban kiểm soát tiến hành họp 02 lần để thực hiện việc kiểm tra tình hình kinh doanh và tình hình tài chính năm 2025 và quý 1 năm 2026 của Công ty./ In the first half of 2025, the Supervisory Board held one meetings to review the business performance and financial situation of the Company for the year 2025 and the first quarter of 2026.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác./ The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát./ The Supervisory Board participated in meetings of the Board of Directors and made recommendations and proposals within the scope of its authority.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors(if any):

Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty./ Monitoring compliance with state legal regulations, the Company's Charter, resolutions of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the Company's Board of Directors.

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều<br>hành/Members of Board of<br>Management | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ<br>chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm thành<br>viên Ban điều hành/<br>Date of appointment<br>/ dismissal of<br>members of the<br>Board of<br>Management / |
|------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>Qualification                               | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management / |
|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Trần Hồ Toại Nguyên<br>Mr. Tran Ho Toai Nguyen      | 24/06/1983                           | Cử nhân Quản trị Kinh doanh<br>Bachelor of Business Administration | 01/10/2023                                                                                                                        |
| 2          | Ông Trần Cảnh Thịnh<br>Mr. Tran Canh Thinh              | 20/03/1965                           | Cử nhân Luật<br>Bachelor of Law                                    | 17/03/2012                                                                                                                        |

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên<br>Name                          | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br>Date of appointment/ dismissal |
|--------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Ông Huỳnh Ngọc Bích<br>Mr. Huynh Ngoc Bich | 15/06/1965                           | Cử nhân Kế toán<br>Bachelor of Accounting      | 09/11/2012                                                  |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty trong 6 tháng đầu năm 2026: Không có/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance in the first half of 2026: None.

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)**

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán(nếu<br>có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No.*, date<br>of issue, place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan Time of<br>starting<br>to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company                                                                |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Văn phòng Tỉnh ủy<br>Bình Định/ Provincial<br>Party Committee Office                               |                                                                                                     |                                                                           | 672-QĐ/TU,<br>07/01/2000                                                            |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  | Tổ chức sở hữu<br>trên 10% số cổ<br>phiếu có quyền<br>biểu quyết/<br>Organization<br>holding more<br>than 10% of the<br>total voting<br>shares |
| 2          | Quỹ Đầu tư Phát triển<br>tỉnh Bình Định/ Binh<br>Dinh Provincial<br>Development<br>Investment Fund |                                                                                                     |                                                                           | 1086 QĐ/UB,<br>08/05/1997, Bình<br>Định/ Binh Dinh                                  |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  |                                                                                                                                                |
| 3          | Lê Trung Hậu<br>Le Trung Hau                                                                       |                                                                                                     | Chủ tịch/Thành<br>viên HĐQT<br>độc lập/                                   |                                                                                     |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  | Chủ tịch HĐQT/<br>Board of<br>Director's<br>Chairman                                                                                           |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán(nếu<br>có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No.*, date<br>of issue, place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan Time of<br>starting<br>to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                        |                                                                                                     | Chairman/Independent<br>members of the<br>Board of<br>Directors           |                                                                                     |                                                     |                                                                                                       |                                                                                                       |                  |                                                                                 |
| 4          | Trần Cảnh Thịnh<br>Tran Canh Thinh                     |                                                                                                     | Thành viên<br>HĐQT<br>Board of<br>Director'<br>member                     |                                                                                     |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  | Thành viên<br>HĐQT/ Board<br>of Director'<br>member                             |
| 5          | Huỳnh Ngọc Bích<br>Huynh Ngoc Bich                     |                                                                                                     | Thành viên<br>HĐQT<br>Board of<br>Director'<br>member                     |                                                                                     |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  | Thành viên<br>HĐQT/ Board<br>of Director'<br>member                             |
| 6          | Trần Hồ Toại Nguyễn                                    |                                                                                                     | Thành viên                                                                |                                                                                     |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  | Thành viên                                                                      |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán(nếu<br>có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the Company<br>(if any)                | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No.*, date<br>of issue, place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan Time of<br>starting<br>to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company           |
|------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | Tran Ho Toai Nguyen                                    |                                                                                                     | HDQT kiêm<br>Tổng Giám đốc<br>Board of<br>Director'<br>member and<br>General<br>Director |                                                                                     |                                                     |                                                                                                       |                                                                                                       |                  | HDQT kiêm<br>Tổng Giám đốc/<br>Board of<br>Director'<br>member and<br>General<br>Director |
| 7          | Võ Thị Bích Hiền<br>Vo Thi Bich Hien                   |                                                                                                     | Thành viên<br>HDQT<br>Board of<br>Director'<br>member                                    |                                                                                     |                                                     | 07/11/2025                                                                                            |                                                                                                       |                  | Thành viên<br>HDQT<br>Board of<br>Director'<br>member                                     |
| 8          | Nguyễn Hồ Tường Vy<br>Nguyen Ho Tuong Vy               |                                                                                                     | Trưởng Ban<br>Kiểm soát<br>Head of the<br>Supervisors                                    |                                                                                     |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  | Trưởng ban<br>kiểm soát/ Head<br>of the<br>Supervisors                                    |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán(nếu<br>có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No.*, date<br>of issue, place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan Time of<br>starting<br>to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 9          | Nguyễn Thị Hải Vi<br>Nguyen Thi Hai Vi                 |                                                                                                     | Thành viên<br>Ban Kiểm soát<br>Member of the<br>Board of<br>Supervisors   |                                                                                     |                                                     | 30/07/2022                                                                                            |                                                                                                       |                  | Kiểm soát viên/<br>Board of<br>Supervisors'<br>member                           |
| 10         | Nguyễn Thị Qui<br>Nguyen Thi Qui                       |                                                                                                     | Thành viên<br>Ban Kiểm soát<br>Member of the<br>Board of<br>Supervisors   |                                                                                     |                                                     | 07/11/2025                                                                                            |                                                                                                       |                  | Kiểm soát viên/<br>Board of<br>Supervisors'<br>member                           |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons. Không có/None.

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.* Không có/None.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects:* Không có/None.

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).* Không có/None.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).* Không có/None.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.* Không có/None.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>                       | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1          | Lê Trung Hậu<br>Le Trung Hau                  |                                                                                        | Chủ tịch/Thành viên HĐQT độc lập<br>Chairman/Independent members of the Board of Directors |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                |                     |
| 1.01       | Nguyễn Thị Thùy Giao<br>Nguyen Thi Quynh Giao |                                                                                        |                                                                                            |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Vợ/ Wife            |
| 1.02       | Lê Đình Tân<br>Le Dinh Tan                    |                                                                                        |                                                                                            |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Con ruột/<br>Child  |
| 1.03       | Lê Thị Thùy Dương<br>Le Thi Thuy Duong        |                                                                                        |                                                                                            |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Con ruột/<br>Child  |
| 1.04       | Nguyễn Thị Hà<br>Nguyen Thi Ha                |                                                                                        |                                                                                            |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Mẹ ruột/<br>Mother  |
| 1.05       | Lê Trung Việt<br>Le Trung Viet                |                                                                                        |                                                                                            |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Em ruột/<br>Sibling |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>             |
|------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.06       | Lê Trung Hưng<br>Le Trung Hung                     |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em ruột/<br>Sibling             |
| 1.07       | Lê Trung Hoàng<br>Le Trung Hoang                   |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em ruột/<br>Sibling             |
| 1.08       | Lê Thị Ngọc Nữ<br>Le Thi Ngoc Nu                   |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em ruột/<br>Sibling             |
| 1.09       | Luu Nguyễn Ý Nhi<br>Luu Nguyen Y Nhi               |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con dâu/<br>Daughter-in-<br>law |
| 1.10       | Huỳnh Thị Loan<br>Huynh Thi Loan                   |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em dâu /Sister<br>in law        |
| 1.11       | Nguyễn Thị Hồng<br>Phúc<br>Nguyen Thi Hong<br>Phuc |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em dâu /Sister<br>in law        |
| 1.12       | Nguyễn Thị Mỹ Chi<br>Nguyen Thi My Chi             |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em dâu /Sister<br>in law        |
| 1.13       | Nguyễn Minh                                        |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em rể/ Brother                  |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                                       | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i>                                                                                                                                                        |
|------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | Hoàng Phương Vũ<br>Nguyen Minh<br>Hoang Phuong Vu                        |                                                                                        |                                                                         |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | in law                                                                                                                                                                     |
| 1.14       | Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định<br>Binh Dinh Development Investment Fund |                                                                                        |                                                                         | 1086 QĐ/UB,<br>08/05/1997, Bình Định/<br>1086 QĐ/UB, 08/05/1997, Binh Dinh                             |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Ông Lê Trung Hậu là người đại diện vốn của Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định/<br>Mr. Le Trung Hau is the capital representative of the Binh Dinh Development Investment Fund |
| 2          | Võ Thị Bích Hiền<br>Vo Thi Bich Hien                                     |                                                                                        | Thành viên HĐQT<br>Member of the Board of Directors                     |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                |                                                                                                                                                                            |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                                            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>                                           |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 2.01       | Trần Thanh Hoàng<br>Tran Thanh Hoang                                          |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Chồng/<br>Husband                                             |
| 2.02       | Đinh Thị Bích<br>Nhưng<br>Dinh Thi Ngoc Bich                                  |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Mẹ ruột/<br>Mother                                            |
| 2.03       | Võ Văn Hùng<br>Vo Van Hung                                                    |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Cha ruột/<br>Father                                           |
| 2.04       | Trần Đình Thanh<br>Tran Dinh Thanh                                            |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con/<br>Child                                                 |
| 2.05       | Trần Đình Nguyên<br>Tran Dinh Nguyen                                          |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con/<br>Child                                                 |
| 2.06       | Tạ Thị Tuấn<br>Ta Thi Tuan                                                    |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Mẹ chồng/<br>Mother-in-law                                    |
| 2.07       | Công ty CP Thực<br>phẩm XNK Lam<br>Sơn/<br>Lam Son Import<br>Export Foodstuff |                                                                                                                | Tổ chức có liên<br>quan/<br>Related<br>Organization                             | 4100259620,<br>22/7/2025                                                                                             |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Võ Thị Bích<br>Hiện là Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT/<br>Ms. Vo Thi |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                                            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>                                                                                                                               |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | Joint Stock<br>Company                                                        |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Bich Hien<br>serves as the<br>Vice<br>Chairwoman<br>of the Board<br>of Directors                                                                  |
| 2.08       | Công ty CP Du lịch<br>Sài gòn – Quy<br>Nhơn/<br>Sài Gòn - Qui Nhơn<br>Tourist |                                                                                                                | Tổ chức có liên<br>quan/<br>Related<br>Organization                             | 4100480452,<br>16/7/2025                                                                                             |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Võ Thị Bích<br>Hiền là Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT/<br>Ms. Vo Thi<br>Bich Hien<br>serves as the<br>Vice<br>Chairwoman<br>of the Board<br>of Directors |
| 2.09       | Văn phòng Tỉnh Ủy<br>Bình Định/<br>Office of the Binh<br>Dinh Provincial      |                                                                                                                |                                                                                 | 672-QĐ/TU,<br>07/01/2000                                                                                             |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Bà Võ Thị<br>Bích Hiền là<br>người đại diện<br>vốn của Văn                                                                                        |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>                                                                                                                                                                         |
|------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | Party Committee                          |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | phòng Tỉnh<br>Ủy Binh Định<br>tại BMC/<br>Ms. Vo Thi<br>Bich Hien<br>serves as the<br>capital<br>representative<br>of the Binh<br>Dinh<br>Provincial<br>Party<br>Committee<br>Office at BMC |
| 3          | Trần Cảnh Thịnh<br>Tran Canh Thinh       |                                                                                                                | Thành viên HĐQT/<br>Board of Director'<br>member                                |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                             |
| 3.01       | Nguyễn Thị Kim<br>Nhật<br>Nguyen Thi Kim |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Vợ/ Wife                                                                                                                                                                                    |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>       |
|------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|            | Nhat                                             |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             |                           |
| 3.02       | Trần Nhật Trường<br>Tran Nhat Truong             |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con ruột/<br>Child        |
| 3.03       | Trần Nhật Tân<br>Tran Nhat Tan                   |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con ruột/<br>Child        |
| 3.04       | Trần Cảnh Hưng<br>Tran Canh Hung                 |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh<br>ruột/Sibling       |
| 3.05       | Trần Thị Thúy Ái<br>Tran Thi Thuy Ai             |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Chị ruột/<br>Sibling      |
| 3.06       | Hoàng Thanh Bình<br>Hoang Thanh Binh             |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con rể/ Child<br>in law   |
| 3.07       | Trần Xuân Quang<br>Tran Xuan Quang               |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh rể/<br>Brother in law |
| 3.08       | Nguyễn Thị Tuyết<br>An<br>Nguyen Thi Tuyet<br>An |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Chị dâu/ Sister<br>in law |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>                         | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i>            |
|------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 4          | Huỳnh Ngọc Bích<br>Huynh Ngoc Bich             |                                                                                        | Thành viên HĐQT/kiêm kế toán trưởng<br>Member of the Board of Directors and Chief Accountant |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                |                                |
| 4.01       | Nguyễn Thị Hạnh<br>Nguyen Thi Hanh             |                                                                                        |                                                                                              |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Vợ/ Wife                       |
| 4.02       | Huỳnh Thị Minh Nguyệt<br>Huynh Thi Minh Nguyet |                                                                                        |                                                                                              |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Con ruột/<br>Child             |
| 4.03       | Huỳnh Thị Minh Ngọc<br>Huynh Thi Minh Ngoc     |                                                                                        |                                                                                              |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Con ruột/<br>Child<br>(SN2007) |
| 4.04       | Huỳnh Ngọc Nam                                 |                                                                                        |                                                                                              |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Con ruột/                      |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i>                  | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>     |
|------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|            | Huynh Ngoc Nam                                   |                                                                                                                |                                                                                                  |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Child                   |
| 4.05       | Huỳnh Thị Ngọc<br>Nuôi<br>Huynh Thi Ngoc<br>Nui  |                                                                                                                |                                                                                                  |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Chị<br>ruột/Sibling     |
| 4.06       | Kim Thị Mận<br>Kim Thi Man                       |                                                                                                                |                                                                                                  |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Mẹ vợ/<br>Mother in law |
| 5          | Trần Hồ Toại<br>Nguyễn<br>Tran Ho Toai<br>Nguyen |                                                                                                                | Thành viên HĐQT<br>kiêm Tổng Giám<br>đốc<br>Board of Director'<br>member and<br>General Director |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             |                         |
| 5.01       | Hồ Thị Mỹ Nữ<br>Ho Thi My Nu                     |                                                                                                                |                                                                                                  |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Vợ/Wife                 |
| 5.02       | Trần Hồ Kim Ngân<br>Tran Ho Kim Ngan             |                                                                                                                |                                                                                                  |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con/Child               |
| 5.03       | Trần Trí Nhân                                    |                                                                                                                |                                                                                                  |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Con/Child               |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>          |
|------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|            | Tran Tri Nhan                            |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             |                              |
| 5.04       | Trần Công Quyền<br>Tran Cong Quyen       |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Cha<br>ruột/Father           |
| 5.05       | Hồ Thanh Tùng<br>Ho Thanh Tung           |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Cha<br>vợ/Father-in-<br>law  |
| 5.06       | Nguyễn Thị Bảy<br>Nguyen Thi Bay         |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Mẹ<br>vợ/Mother-in-<br>law   |
| 5.07       | Trần Thị Phi Yên<br>Tran Thi Phi Yen     |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Chị<br>ruột/Sibling          |
| 5.08       | Nguyễn Xuân Vinh<br>Nguyen Xuan Vinh     |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh<br>vợ/Brother-in-<br>law |
| 5.09       | Trần Thị Kiều Oanh<br>Tran Thi Kieu Oanh |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Chị<br>ruột/Sibling          |
| 5.10       | Võ Văn Tiên<br>Vo Van Tien               |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh<br>vợ/Brother-in-        |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>          |
|------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|            |                                                |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | law                          |
| 5.11       | Trần Thị Kim Cúc<br>Tran Thi Kim Cuc           |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Chị<br>ruột/Sibling          |
| 5.12       | Lê Đình Hoan<br>Le Dinh Hoan                   |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh<br>vợ/Brother-in-<br>law |
| 5.13       | Trần Thị Kim Ngọc<br>Tran Thi Kim Ngoc         |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em<br>ruột/Sibling           |
| 5.14       | Phan Ngọc Thao<br>Phan Ngoc Thao               |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em<br>rẻ/Brother-in-<br>law  |
| 6          | Nguyễn Hồ Tường<br>Vy<br>Nguyen Ho Tuong<br>Vy |                                                                                                                | Trưởng Ban Kiểm<br>soát<br><br>Head of the<br>Supervisors                       |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             |                              |
| 6.01       | Nguyễn Văn Minh<br>Nguyen Van Minh             |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Cha ruột/<br>Father          |
| 6.02       | Hồ Thị Sông Hương                              |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Mẹ ruột/                     |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i>         |
|------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|            | Ho Thi Song Huong                              |                                                                                     |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Mother                      |
| 6.03       | Nguyễn Hồ Tường Vân<br>Nguyen Ho Tuong Van     |                                                                                     |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Em ruột/<br>Sibling         |
| 6.04       | Nguyễn Minh Trọng<br>Nguyen Minh Trong         |                                                                                     |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Chồng/<br>Husband           |
| 6.05       | Nguyễn Thị Ngọc Thanh<br>Nguyen Thi Ngoc Thanh |                                                                                     |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Mẹ chồng/<br>Mother in law  |
| 6.06       | Nguyễn Văn Trang<br>Nguyen Van Trang           |                                                                                     |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                | Cha chồng/<br>Father in law |
| 7          | Nguyễn Thị Hải Vi<br>Nguyen Thi Hai Vi         |                                                                                     | Thành viên Ban Kiểm soát<br>Member of the Board of Supervisors       |                                                                                                        |                                   |                                                                                   |                                                                                                |                             |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i>         |
|------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 7.01       | Nguyễn Thị Bích Hường<br>Nguyen Thi Bich Huong | 008C560338                                                                             |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Mẹ ruột/<br>Mother          |
| 7.02       | Thân Trọng Công<br>Than Trong Cong             | 008C990158                                                                             |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Chồng/<br>Husband           |
| 7.03       | Thân Nguyễn Minh Thư<br>Than Nguyen Minh Thu   |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Con ruột/<br>Child          |
| 7.04       | Thân Trọng Giám<br>Than Trong Giam             |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Cha chồng/<br>Father in law |
| 8          | Nguyễn Thị Qui<br>Nguyen Thi Qui               |                                                                                        | Thành viên Ban Kiểm soát<br>Member of the Board of Supervisors       |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                |                             |
| 8.01       | Nguyễn Ngọc Thao<br>Nguyen Ngoc Thao           |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Chồng/<br>Husband           |
| 8.02       | Nguyễn Ngọc Ảnh                                |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Ba ruột/                    |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i>         |
|------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|            | Nguyen Ngoc Anh                        |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Father                      |
| 8.03       | Nguyễn Ngọc Phong<br>Nguyen Ngoc Phong |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Cha chồng/<br>Father-in-law |
| 8.04       | Nguyễn Thị Hải<br>Nguyen Thi Hai       |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Mẹ chồng/<br>Mother-in-law  |
| 8.05       | Nguyễn Trọng Khải<br>Nguyen Trong Khai |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Con/Child                   |
| 8.06       | Nguyễn Trúc Quỳnh<br>Nguyen Truc Quynh |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Con/Child                   |
| 8.07       | Nguyễn Thị Thảo<br>Nguyen Thi Thao     |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Chị ruột/<br>Older Sister   |
| 8.08       | Nguyễn Thị Nhon<br>Nguyen Thi Nhon     |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Chị ruột/<br>Older Sister   |
| 8.09       | Nguyễn Thị Lành<br>Nguyen Thi Lanh     |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Chị ruột/<br>Older Sister   |
| 8.10       | Nguyễn Thị An<br>Nguyen Thi An         |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Chị ruột/<br>Older Sister   |
| 8.11       | Nguyễn Trí Hoi<br>Nguyen Tri Hoi       |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Em Ruột/<br>Younger Sibling |
| 8.12       | Trương Hùng<br>Truong Hung             |                                                                                        |                                                                      |                                                                                                        |                                   |                                                                                      |                                                                                                | Anh rể/<br>Brother-in-law   |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                                                                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Số CMND /Hộ<br>chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./Passport<br/>No., date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ <i>Number of<br/>shares owned<br/>at the end of<br/>the period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> | Ghi chú <i>Note</i>                                                                                    |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.13       | Trương Đức Phúc<br>Truong Duc Phuc                                                                  |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh rể/<br>Brother-in-law                                                                              |
| 8.14       | Phạm Ngọc Thảo<br>Pham Ngoc Thao                                                                    |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh rể/<br>Brother-in-law                                                                              |
| 8.15       | Vũ Đình Tích<br>Vu Dinh Tich                                                                        |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Anh rể/<br>Brother-in-law                                                                              |
| 8.16       | Đinh Hồ Phi Khanh<br>Dinh Ho Phi Khanh                                                              |                                                                                                                |                                                                                 |                                                                                                                      |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | Em dâu/<br>Sister-in-law                                                                               |
| 8.17       | Công ty CP Thực<br>phẩm XNK Lam<br>Son/Lam Son<br>Import Export<br>Foodstuff Joint<br>Stock Company |                                                                                                                | Tổ chức có liên<br>quan/ Related<br>Organization                                | 4100259620,<br>22/7/2025                                                                                             |                                   |                                                                                                     |                                                                                                                             | NguyễnThị<br>Qui là<br>TBKS/<br>Ms. Nguyen<br>Thi Qui as the<br>Head of the<br>Board of<br>Supervisors |



2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

| Stt<br>No. | Người thực<br>hiện giao<br>dịch<br><i>Transaction<br/>executor</i> | Quan hệ với<br>người nội bộ<br><i>Relationship with<br/>internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu<br>đầu kỳ <i>Number of<br/>shares owned at the<br/>beginning of the<br/>period</i> |                                  | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ <i>Number of<br/>shares owned at the<br/>end of the period</i> |                                  | Lý do tăng,<br>giảm (mua,<br>bán, chuyển<br>đổi,<br>thưởng...) <i>Reasons for<br/>increasing,<br/>decreasing<br/>(buying,<br/>selling,<br/>converting,<br/>rewarding,<br/>etc.)</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                    |                                                                              | <i>Số cổ<br/>phiếu<br/>Number of<br/>shares</i>                                                       | <i>Tỷ lệ<br/>Percent<br/>age</i> | <i>Số cổ<br/>phiếu<br/>Number of<br/>shares</i>                                              | <i>Tỷ lệ<br/>Percent<br/>age</i> |                                                                                                                                                                                     |

Không phát sinh giao dịch.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/ None

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF**  
**DIRECTORS**



**LÊ TRUNG HẬU**